

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 61/2016/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 20 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND9 ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá IX, kỳ họp thứ 3 thông qua về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương,

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1023/TTr-STNMT ngày 20 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương, như sau:

1. Đối tượng nộp phí:

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu hoặc cần phải thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

2. Các trường hợp được miễn nộp phí:

Miễn nộp phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các đối tượng bao gồm: hộ nghèo theo tiêu chí của tỉnh, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.

3. Mức thu phí:

a) Trường hợp giao đất, cho thuê đất đối với hộ gia đình, cá nhân:

Stt	Quy mô diện tích (m ²)	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Nhỏ hơn 500m ²	100.000
2	Từ 500 m ² đến dưới 1.000 m ²	300.000
3	Từ 1.000 m ² trở lên	500.000

b) Đối với đất làm nhà ở của hộ gia đình, cá nhân: Mức thu phí bằng 70% mức thu phí quy định tại Điểm a, Khoản 3 Điều này.

c) Trường hợp giao đất, cho thuê đất đối với tổ chức:

Stt	Quy mô diện tích (m ²)	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Nhỏ hơn 10.000 m ²	2.000.000
2	Từ 10.000 m ² đến dưới 100.000 m ²	5.000.000
3	Từ 100.000 m ² trở lên	7.000.000

d) Trường hợp cấp lại, chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất, chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, chuyển từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất, chuyển từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất: Mức thu phí bằng 70% mức thu quy định tại Điểm a, Điểm c Khoản 3 Điều này.

đ) Trường hợp chuyển quyền sở hữu nhà gắn liền với quyền sử dụng đất:

Stt	Giá trị tài sản	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Dưới 500 triệu đồng	50.000
2	Từ 500 triệu đến dưới 2 tỷ đồng	100.000
3	Từ 02 tỷ đồng đến dưới 05 tỷ đồng	200.000
4	Từ 05 tỷ đồng trở lên	1.000.000

4. Tổ chức thu, nộp và quản lý sử dụng phí:

a) Cơ quan có nhiệm vụ thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

- Trường hợp giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất, chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, chuyển từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất, chuyển từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân: Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.

- Trường hợp giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất, chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, chuyển từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất, chuyển từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với tổ chức: Chi cục Quản lý Đất đai.

- Trường hợp chuyển quyền sở hữu nhà gắn liền với quyền sử dụng đất, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Văn phòng đăng ký Đất đai tỉnh và các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai cấp huyện.

b) Mức thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải thông báo hoặc niêm yết công khai mức thu tại trụ sở nơi thu phí. Khi thu phải cấp biên lai thu phí cho đối tượng nộp phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.

c) Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là khoản thu ngân sách Nhà nước. Cơ quan thu phí:

- Văn phòng Đăng ký Đất đai và các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai cấp huyện được trích lại 80% để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ thu phí theo chế độ quy định, cụ thể như sau:

+ Chi thường xuyên bao gồm:

- Chi thanh toán cho cá nhân thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí: Tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương (trừ chi phí tiền lương cho cán bộ, công chức đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo chế độ quy định).

- Chi phí phục vụ cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí như: Văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành.

- Chi sửa chữa thường xuyên tài sản, máy móc, thiết bị trực tiếp phục vụ cho thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí.

- Chi mua sắm vật tư, nguyên liệu liên quan đến việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí.

- Trích khấu hao tài sản cố định để thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư từ nguồn thu phí.

- Các khoản chi khác liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí.